

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN ĐẠ HUOAI  
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2021/HNGĐ-ST

Ngày 05-8-2021

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẠ HUOAI – TỈNH LÂM ĐỒNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đinh Xuân Trường

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Văn An

2. Bà Đỗ Hà Thành

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Anh Vương là thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Đ - tỉnh Lâm Đồng.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đ - tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Quốc Huy - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 8 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ – tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 29/2021/TLST – HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2021 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 7 năm 2021 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị Minh H – sinh năm: 1993

Trú tại: Số A L – tổ dân phố A – thị trấn Đ – huyện Đ – tỉnh Lâm Đồng.

(bà H có mặt)

**- Bị đơn:** Ông Nguyễn Đức Thành L – sinh năm: 1993

Trú tại: Số B L – tổ dân phố B – thị trấn Đ – huyện Đ – tỉnh Lâm Đồng.

(ông L vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do)

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\*Trong đơn khởi kiện ghi ngày 09 tháng 3 năm 2021 và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Minh H trình bày:

- Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Minh H và ông Nguyễn Đức Thành L tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Đ – huyện Đ – tỉnh Lâm Đồng vào ngày 16/5/2014 và có tổ chức đám cưới. Bà Nguyễn Thị Minh H và ông Nguyễn Đức Thành L chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cãi vã và ông L có đánh đập bà H, nguyên nhân do vấn đề tiền trong gia đình và lối sống không phù hợp nên cuộc sống không hòa thuận, không cùng quan điểm sống. Vợ chồng bà H và ông L đã nhiều lần sống xa nhau gây ảnh hưởng đến quá trình học tập của các con chung. Vợ chồng đã tự hòa giải nhiều lần và cũng được gia đình hai bên hòa giải nhiều lần nhưng không hòa giải được. Bà H và ông L đã sống ly thân từ ngày 03/5/2020 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng đang sống ly thân thời gian dài không ai quan tâm đến ai nên bà Nguyễn Thị Minh H yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Đức Thành L.

- Về con chung: Trong quá trình chung sống bà Nguyễn Thị Minh H và ông Nguyễn Đức Thành L sinh được 02 con chung là Nguyễn Đức Bảo A – sinh ngày 09/10/2014 và Nguyễn Đức Nữ Gia H – sinh ngày 16/9/2015. Hiện nay con chung Nguyễn Đức Nữ Gia H đang ở với bà H, con chung Nguyễn Đức Bảo A đang ở với ông L. Bà H có chỗ ở hợp pháp và có thu nhập đủ điều kiện nuôi con chung. Khi ly hôn bà Nguyễn Thị Minh H yêu cầu được chăm sóc và nuôi dưỡng 01 con chung là Nguyễn Đức Nữ Gia H – sinh ngày 16/9/2015 đến khi con chung thành niên, bà Nguyễn Thị Minh H đồng ý giao 01 con chung là Nguyễn Đức Bảo A – sinh ngày 09/10/2014 cho ông Nguyễn Đức Thành L nuôi dưỡng đến khi con chung thành niên, bà Nguyễn Thị Minh H và ông Nguyễn Đức Thành L không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

- Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Minh H trình bày vợ chồng không có tài sản chung.

- Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị Minh H trình bày vợ chồng không có nợ chung.

Ngoài ra bà Bà Nguyễn Thị Minh H không trình bày hay yêu cầu gì khác.

\* Bị đơn ông Nguyễn Đức Thành L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt không có lý do nên không có lời khai của bị đơn ông Nguyễn Đức Thành L.

Vụ án đã được Toà án đưa ra hoà giải nhiều lần nhưng không tiến hành hòa giải được vì lý do vắng mặt bị đơn.

\* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ – tỉnh Lâm Đồng đã có bài phát biểu đánh giá về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán,

Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và đánh giá về việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án. Bài phát biểu đã đánh giá Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; đánh giá nguyên đơn bà Nguyễn Thị Minh H chấp hành đúng quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn ông Nguyễn Đức Thành L không chấp hành đúng quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự. Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Minh H cho bà Nguyễn Thị Minh H được ly hôn với ông Nguyễn Đức Thành L, về con chung đề nghị giao con chung là Nguyễn Đức Nữ Gia H – sinh ngày 16/9/2015 cho bà Nguyễn Thị Minh H nuôi dưỡng và giao con chung là Nguyễn Đức Bảo A – sinh ngày 09/10/2014 cho ông Nguyễn Đức Thành L nuôi dưỡng, về cấp dưỡng nuôi con chung nguyên đơn bà H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung và bị đơn ông L không có ý kiến nên đề nghị không xem xét về cấp dưỡng nuôi con chung, về án phí bà Nguyễn Thị Minh H phải nộp án phí dân sự sơ thẩm. Đại diện Viện kiểm sát không có kiến nghị gì.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ các ý kiến của các bên đương sự, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

#### **[1] Về thủ tục tố tụng:**

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Minh H khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn ông Nguyễn Đức Thành L, bị đơn ông Nguyễn Đức Thành L có nơi cư trú tại số B L – tổ dân phố B – thị trấn Đ – huyện Đ – tỉnh Lâm Đồng. Vì vậy, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự đây là vụ án tranh chấp ly hôn và Tòa án nhân dân huyện Đ thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng.

Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn ông Nguyễn Đức Thành L là đúng quy định của pháp luật.

#### **[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về hôn nhân:**

Bà Nguyễn Thị Minh H và ông Nguyễn Đức Thành L đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Đ – huyện Đ – tỉnh Lâm Đồng vào ngày 16/5/2014 vì vậy hôn nhân được xác lập giữa bà H và ông L là hôn nhân hợp pháp.

Theo nguyên đơn bà H trình bày vợ chồng chung sống với nhau đến cuối năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cãi vã, nguyên nhân do vấn đề tiền trong gia đình và lối sống không phù hợp nên cuộc sống không hòa thuận, không cùng quan điểm sống. Vợ chồng bà H và ông L đã nhiều lần sống xa nhau gây ảnh hưởng đến quá trình học tập của các con chung. Vợ chồng đã tự hòa giải nhiều lần và cũng được gia đình hai bên hòa giải nhiều lần nhưng

không hòa giải được. Bà H và ông L đã sống ly thân từ ngày 03/5/2020 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng đang sống ly thân thời gian dài không ai quan tâm đến ai nên bà Nguyễn Thị Minh H yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Đức Thành L. Bị đơn ông Nguyễn Đức Thành L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến Tòa án để tiến hành hòa giải, hàn gắn tình cảm, trở về đoàn tụ nhưng bị đơn không đến và cũng không cho biết ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn. Điều này chứng tỏ bị đơn đã không còn mong muốn hàn gắn tình cảm gia đình, xây dựng gia đình hạnh phúc bền vững. Căn cứ biên bản xác minh ngày 09/6/2021 của Tòa án tại Tổ trưởng tổ dân phố B – thị trấn Đ – huyện Đ – tỉnh Lâm Đồng và biên bản xác minh ngày 23/6/2021 của Tòa án tại Tổ trưởng tổ dân phố A – thị trấn Đ – huyện Đ – tỉnh Lâm Đồng về hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Minh H và ông Nguyễn Đức Thành L thì bà H và ông L không chung sống với nhau tại tổ dân phố A – thị trấn Đ – huyện Đ – tỉnh Lâm Đồng và tổ dân phố B – thị trấn Đ – huyện Đ – tỉnh Lâm Đồng. Hội đồng xét xử xét thấy lời trình bày của bà H về tình trạng mâu thuẫn vợ chồng là đúng với thực tế.

Xét thấy hiện nay mâu thuẫn vợ chồng giữa bà H và ông L trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân giữa bà H và ông L không đạt được, vợ chồng không còn sống chung với nhau thời gian dài và không ai còn quan tâm đến ai nữa. Vì vậy, căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình thì Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Minh H, cho bà Nguyễn Thị Minh H được ly hôn với ông Nguyễn Đức Thành L là có cơ sở pháp luật và phù hợp với thực tế.

[3] Về con chung: Bà H trình bày trong quá trình chung sống bà Nguyễn Thị Minh H và ông Nguyễn Đức Thành L sinh được 02 con chung là Nguyễn Đức Bảo A – sinh ngày 09/10/2014 và Nguyễn Đức Nữ Gia H – sinh ngày 16/9/2015. Khi ly hôn bà Nguyễn Thị Minh H yêu cầu được nuôi dưỡng 01 con chung là Nguyễn Đức Nữ Gia H – sinh ngày 16/9/2015 đến khi con chung thành niên, bà Nguyễn Thị Minh H đồng ý giao 01 con chung là Nguyễn Đức Bảo A – sinh ngày 09/10/2014 cho ông Nguyễn Đức Thành L nuôi dưỡng đến khi con chung thành niên.

Tại bản sao trích lục khai sinh số 365/TLKS-BS ngày 23/7/2020 của Ủy ban nhân dân phường S – quận T – thành phố Hồ Chí Minh thể hiện họ tên Nguyễn Đức Bảo A – ngày tháng năm sinh 09/10/2014, họ tên mẹ Nguyễn Thị Minh H - năm sinh 1993, họ tên cha Nguyễn Đức Thành L - năm sinh 1993 và tại bản sao trích lục khai sinh 366/TLKS-BS ngày 23/7/2020 của Ủy ban nhân dân phường S – quận T – thành phố Hồ Chí Minh thể hiện họ tên Nguyễn Đức Nữ Gia H – ngày tháng năm sinh 16/9/2015, họ tên mẹ Nguyễn Thị Minh H - năm sinh 1993, họ tên cha Nguyễn Đức Thành L - năm sinh 1993. Căn cứ khoản 1 Điều 88 của Luật hôn nhân và gia đình thì xác định 02 con chung tên Nguyễn Đức Bảo A – ngày tháng năm sinh 09/10/2014 và Nguyễn Đức Nữ Gia H – ngày tháng năm sinh 16/9/2015 là con chung của bà Nguyễn Thị Minh H và ông Nguyễn Đức Thành L.

Đồng thời theo phiếu báo thay đổi hộ khẩu, nhân khẩu ngày 14/6/2021 của bà Nguyễn Thị Minh H được Công an thị trấn Đ – huyện Đ – tỉnh Lâm Đồng xác nhận ngày 14/6/2021 thì hiện nay cháu Nguyễn Đức Nữ Gia H đang ở tổ dân phố A – thị trấn Đ – huyện Đ – tỉnh Lâm Đồng.

Xét thấy hiện nay con chung Nguyễn Đức Nữ Gia H đang ở với bà H vẫn phát triển tốt, con chung Nguyễn Đức Bảo A đang ở với ông L, còn ông Nguyễn Đức Thành L không có ý kiến, nguyện vọng gì về 02 con chung. Bà H yêu cầu nuôi 01 con chung là Nguyễn Đức Nữ Gia H, bà H đồng ý giao 01 con chung là Nguyễn Đức Bảo A cho ông Nguyễn Đức Thành L nuôi dưỡng. Bà H có chỗ ở hợp pháp và có thu nhập nên đủ điều kiện nuôi con chung. Để không làm ảnh hưởng đến cuộc sống hiện tại hay tâm lý của con chung đồng thời để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung căn cứ Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình thì Hội đồng xét xử xét thấy cần giao 01 con chung là Nguyễn Đức Nữ Gia H – sinh ngày 16/9/2015 cho bà Nguyễn Thị Minh H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung đến tuổi thành niên; giao 01 con chung là Nguyễn Đức Bảo A – sinh ngày 09/10/2014 cho ông Nguyễn Đức Thành L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung đến tuổi thành niên là có cơ sở pháp luật và phù hợp với thực tế.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con chung:

Bà Nguyễn Thị Minh H không yêu cầu ông Nguyễn Đức Thành L phải cấp dưỡng nuôi 01 con chung là Nguyễn Đức Nữ Gia H – sinh ngày 16/9/2015, bà Nguyễn Thị Minh H không cấp dưỡng nuôi con chung là Nguyễn Đức Bảo A – sinh ngày 09/10/2014 và bị đơn ông Nguyễn Đức Thành L không có ý kiến, yêu cầu về cấp dưỡng nuôi 02 con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét về cấp dưỡng nuôi 02 con chung là Nguyễn Đức Bảo A – sinh ngày 09/10/2014 và Nguyễn Đức Nữ Gia H – sinh ngày 16/9/2015 là phù hợp.

[5] Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Minh H trình bày vợ chồng không có tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về tài sản chung là phù hợp.

[6] Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị Minh H trình bày vợ chồng không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét về nợ chung là phù hợp.

[7] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Bà Nguyễn Thị Minh H khởi kiện ly hôn nên phải nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm là đúng quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, khoản 1 Điều 88 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Minh H đối với ông Nguyễn Đức Thành L về việc tranh chấp về ly hôn.

Cho bà Nguyễn Thị Minh H được ly hôn với ông Nguyễn Đức Thành L.

2. Về con chung:

Giao một con chung là Nguyễn Đức Nữ Gia H – sinh ngày 16/9/2015 cho bà Nguyễn Thị Minh H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung đến tuổi thành niên.

Giao một con chung là Nguyễn Đức Bảo A – sinh ngày 09/10/2014 cho ông Nguyễn Đức Thành L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung đến tuổi thành niên.

Bà Nguyễn Thị Minh H và ông Nguyễn Đức Thành L không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định Luật hôn nhân và gia đình.

3. Về án phí:

Bà Nguyễn Thị Minh H phải nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà bà Nguyễn Thị Minh H đã nộp là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo biên liên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0018296 ngày 11 tháng 3 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Bà Nguyễn Thị Minh H đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án hôm nay (ngày 05/8/2021); Đối với đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9

Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ  
Đã ký**

**Đinh Xuân Trường**